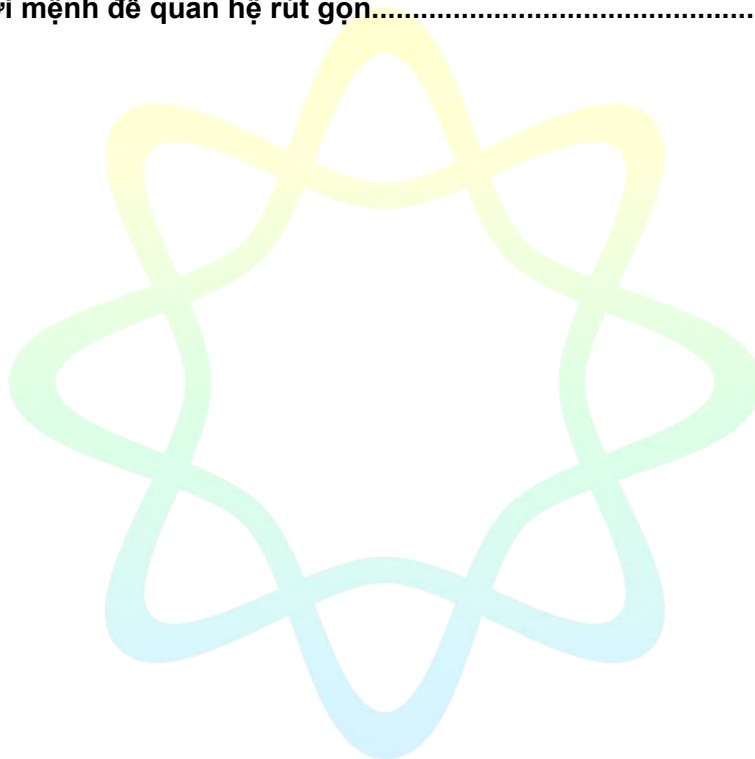


Tổng hợp bài tập rút gọn mệnh đề quan hệ

Bài tập 1: Viết lại câu dưới dạng rút gọn mệnh đề quan hệ.....	2
Bài tập 2: Chọn đáp án đúng.....	5
Bài tập 3: Viết lại câu ứng dụng mệnh đề quan hệ rút gọn.....	7
Bài tập 4: Đảo lại trật tự từ.....	9
Bài tập 5: Viết lại câu với mệnh đề quan hệ rút gọn.....	11



Bài tập 1: Viết lại câu dưới dạng rút gọn mệnh đề quan hệ

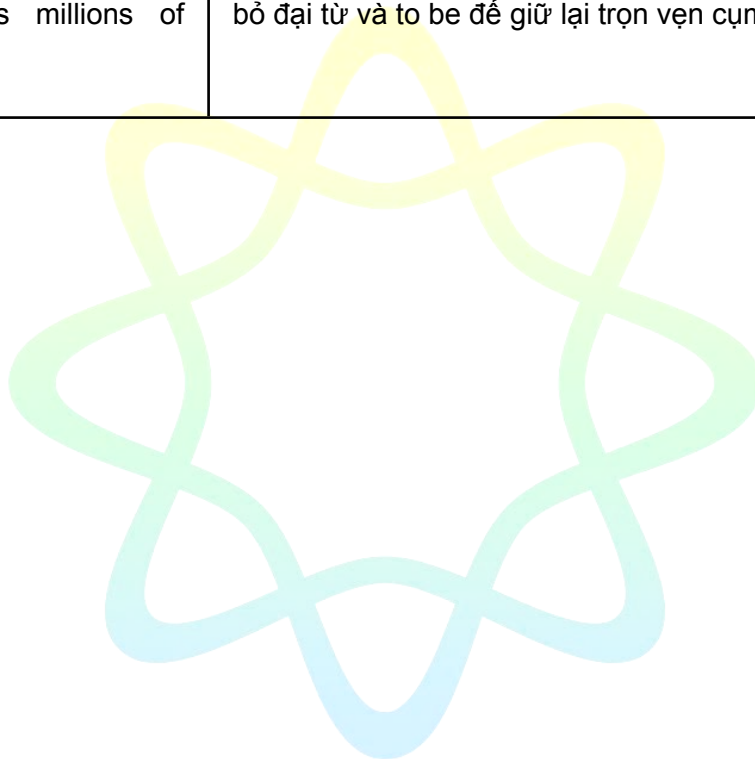
Đề bài: Hãy vận dụng các quy tắc đã học để rút gọn mệnh đề quan hệ trong các câu dưới đây sao cho ý nghĩa của câu không thay đổi.

1. The man who is standing over there is my uncle.
2. The book which was written by To Hoai is very interesting.
3. Yuri Gagarin was the first man who flew into space.
4. The students who did not come to class yesterday will be punished.
5. I live in a house that was built 100 years ago.
6. We have a lot of exercises which we must do tonight.
7. Neil Armstrong was the first person who stepped on the moon.
8. The girl who was injured in the crash is now in hospital.
9. Hanoi, which is the capital of Vietnam, has many historical sites.
10. The books that are on the table belong to my teacher.
11. Do you know the woman who is coming towards us?
12. The boy who was punished by the teacher is my brother.
13. My grandfather is the oldest person who lives in this village.
14. The instructions which explain how to use the machine are very confusing.
15. Paris, which is famous for the Eiffel Tower, attracts millions of tourists.

Đáp án bài tập 1:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	The man standing over there is my uncle.	Động từ mang nghĩa chủ động nên dùng V-ing. Bỏ đại từ quan hệ và to be, chỉ giữ lại hiện tại phân từ.
2	The book written by To Hoai is very interesting.	Động từ mang nghĩa bị động nên dùng phân từ quá khứ. Lược bỏ đại từ quan hệ và to be, giữ lại V-ed/V3.
3	Yuri Gagarin was the first man to fly into space.	Câu có chứa từ chỉ số thứ tự (the first) nên dùng cấu trúc To V. Bỏ đại từ quan hệ và chuyển động từ chính về dạng nguyên mẫu có to.
4	The students not coming to class yesterday will be punished.	Động từ mang nghĩa chủ động thể phủ định, ta dùng cấu trúc not cộng với V-ing.
5	I live in a house built 100 years ago.	Mệnh đề mang nghĩa bị động, ta rút gọn bằng cách bỏ đại từ quan hệ cùng trợ động từ và giữ lại phân từ quá khứ.
6	We have a lot of exercises to do tonight.	Chủ ngữ hai mệnh đề giống nhau, ta lược bỏ đại từ quan hệ, chủ ngữ thứ hai và trợ động từ, sau đó chuyển động từ chính sang dạng To V.
7	Neil Armstrong was the first person to step on the moon.	Tương tự câu 3, trước đại từ quan hệ xuất hiện từ chỉ số thứ tự (the first) nên ta áp dụng cách rút gọn bằng To V.
8	The girl injured in the crash is now in hospital.	Mệnh đề mang nghĩa bị động nên lược bỏ đại từ và to be, chỉ giữ lại động từ ở thì quá khứ phân từ.
9	Hanoi, the capital of Vietnam, has many historical sites.	Đây là mệnh đề không xác định, ta rút gọn thành cụm danh từ bằng cách lược bỏ hoàn toàn đại từ quan hệ và động từ to be.
10	The books on the table belong to my teacher.	Mệnh đề chứa to be và cụm giới từ, người học chỉ cần bỏ đại từ quan hệ cùng động từ to be để tạo thành cụm giới từ chỉ vị trí.
11	Do you know the woman coming towards us?	Hành động mang tính chủ động nên áp dụng phương pháp dùng hiện tại phân từ V-ing để rút gọn câu.

12	The boy punished by the teacher is my brother.	Chủ thể chịu tác động của hành động (mang tính bị động) nên ta tiến hành rút gọn bằng quá khứ phân từ V-ed/V3.
13	My grandfather is the oldest person to live in this village.	Trước mệnh đề quan hệ xuất hiện cấu trúc so sánh nhất (the oldest), ta bắt buộc áp dụng cách rút gọn chuyển động từ thành To V.
14	The instructions explaining how to use the machine are very confusing.	Động từ chính mang nghĩa chủ động, ta tiến hành bỏ đại từ quan hệ và đưa động từ về dạng nguyên mẫu rồi thêm đuôi -ing.
15	Paris, famous for the Eiffel Tower, attracts millions of tourists.	Mệnh đề không xác định có chứa cụm tính từ, thao tác chuẩn là bỏ đại từ và to be để giữ lại trọn vẹn cụm tính từ miêu tả.



Bài tập 2: Chọn đáp án đúng

Đề bài: Hãy chọn phương án đúng nhất (A, B, C hoặc D) để hoàn thành các câu rút gọn mệnh đề quan hệ dưới đây.

1. The girl _____ in front of our house is my neighbor.
A. standing B. stands C. stood D. to stand
2. Most of the products _____ in this factory are exported.
A. making B. make C. made D. to make
3. Neil Armstrong was the first person _____ on the moon.
A. walking B. to walk C. walked D. walk
4. The man _____ to the manager is my brother.
A. to talk B. talked C. talking D. talk
5. The house _____ in 1990 was rebuilt last year.
A. building B. to build C. built D. build
6. I have a lot of work _____ before the weekend.
A. finishing B. finished C. to finish D. finish
7. The trees _____ in the garden are very beautiful.
A. planting B. planted C. to plant D. plant
8. She was the last student _____ the classroom.
A. leaving B. to leave C. left D. leave
9. Anyone _____ this test must submit it by 5 PM.
A. taking B. taken C. to take D. take
10. The cake _____ by my mother tastes delicious.
A. making B. made C. to make D. makes
11. Do you see the boy _____ a blue shirt?
A. to wear B. wearing C. worn D. wears
12. This is the only book _____ about this topic.
A. written B. writing C. to write D. write
13. The documents _____ on the desk are confidential.
A. lying B. to lie C. lied D. lie
14. The letter _____ yesterday arrived this morning.
A. sending B. to send C. sent D. send
15. He is the first person _____ the mystery.
A. solving B. to solve C. solved D. solve

Đáp án bài tập 2:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	A	Hành động chủ động, dùng V-ing thay cho mệnh đề who is standing.
2	C	Sản phẩm được làm ra (bị động), dùng V3 thay cho mệnh đề which are made.
3	B	Có cụm từ the first nên dùng dạng To V để rút gọn.
4	C	Hành động chủ động (đang nói chuyện), dùng V-ing rút gọn cho who is talking.
5	C	Ngôi nhà được xây (bị động), dùng quá khứ phân từ V3 rút gọn cho which was built.
6	C	Khi muốn diễn đạt mục đích phải làm, ta dùng cấu trúc To V để rút gọn.
7	B	Cây được trồng (bị động), rút gọn cho mệnh đề which are planted.
8	B	Có từ the last nên dùng dạng To V để rút gọn.
9	A	Chủ ngữ thực hiện hành động (chủ động), dùng V-ing rút gọn cho who takes.
10	B	Bánh được làm (bị động), rút gọn cho mệnh đề which was made.
11	B	Cậu bé mặc áo (chủ động), rút gọn cho mệnh đề who is wearing.
12	A	Cuốn sách được viết (bị động), rút gọn cho mệnh đề which is written.
13	A	Tài liệu đang nằm (chủ động), rút gọn cho mệnh đề which are lying.
14	C	Thư được gửi (bị động), rút gọn cho mệnh đề which was sent.
15	B	Có từ the first nên dùng dạng To V để rút gọn.

Bài tập 3: Viết lại câu ứng dụng mệnh đề quan hệ rút gọn

Đề bài: Hãy vận dụng các quy tắc rút gọn mệnh đề quan hệ để viết lại câu dưới đây sao cho giữ nguyên nghĩa của câu gốc.

1. The man who is reading a newspaper is my father.
2. The room which was cleaned by my sister is very tidy.
3. This is the first person who arrived at the party.
4. The flowers which are kept in the vase are withered.
5. He is the only student who passed the exam.
6. The woman who is teaching English is Mrs. Smith.
7. The bridge which was destroyed by the storm has been rebuilt.
8. Anyone who wants to join the club must sign up here.
9. This is the last letter that needs to be sent to him.
10. The trees which are growing in the park are tall.
11. The report that was finished yesterday was very detailed.
12. The dog which is barking at the stranger is mine.
13. My sister is the third person who won the prize.
14. The information that was provided by the witness is useful.
15. The man who is waving at us is my teacher.

Đáp án bài tập 3:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	The man reading a newspaper is my father.	Động từ mang nghĩa chủ động nên lược bỏ đại từ quan hệ và dùng V-ing.
2	The room cleaned by my sister is very tidy.	Động từ mang nghĩa bị động nên lược bỏ đại từ quan hệ và dùng V3.
3	This is the first person to arrive at the party.	Có từ chỉ số thứ tự the first nên dùng dạng To V.
4	The flowers kept in the vase are withered.	Mệnh đề mang nghĩa bị động nên rút gọn bằng V3.
5	He is the only student to pass the exam.	Có cụm từ the only nên dùng cấu trúc To V để rút gọn.
6	The woman teaching English is Mrs. Smith.	Hành động chủ động của chủ ngữ nên dùng V-ing.
7	The bridge destroyed by the storm has been rebuilt.	Cầu bị phá hủy nên rút gọn thành phân từ quá khứ V3.
8	Anyone wanting to join the club must sign up here.	Động từ mang nghĩa chủ động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và dùng V-ing.
9	This is the last letter to be sent to him.	Có từ the last nên dùng cấu trúc To V, ở dạng bị động nên thêm to be trước V3.
10	The trees growing in the park are tall.	Cây đang lớn lên là hành động chủ động nên dùng V-ing.
11	The report finished yesterday was very detailed.	Báo cáo đã được hoàn thành mang nghĩa bị động nên dùng V3.
12	The dog barking at the stranger is mine.	Con chó đang sủa là hành động chủ động nên dùng V-ing.
13	My sister is the third person to win the prize.	Xuất hiện số thứ tự the third nên dùng dạng To V.
14	The information provided by the witness is useful.	Thông tin được cung cấp mang nghĩa bị động nên dùng V3.
15	The man waving at us is my teacher.	Hành động đang vẫy tay là chủ động nên dùng V-ing.

Bài tập 4: Đảo lại trật tự từ

Đề bài: Dưới đây là các câu đã bị xáo trộn trật tự từ, bạn hãy sắp xếp lại các từ để tạo thành câu hoàn chỉnh có chứa mệnh đề quan hệ rút gọn đúng ngữ pháp.

1. man / the / standing / there / is / my / teacher / over
2. book / the / written / by / Nam / Cao / is / famous
3. first / she / was / the / arrive / to / school
4. are / flowers / the / kept / in / vase / the / withered
5. only / was / he / the / student / answer / to / the / question
6. dog / is / the / barking / at / him / mine
7. bridge / the / built / by / them / is / beautiful
8. children / playing / in / the / park / my / are / friends
9. last / the / person / is / leave / to / he / room / the
10. cake / the / made / by / her / is / delicious
11. documents / the / lying / on / table / the / are / mine
12. third / was / she / the / win / to / competition / the
13. girl / the / talking / to / him / is / my / sister
14. computer / the / repaired / by / him / is / broken
15. second / the / was / he / reach / to / peak / the

Đáp án bài tập 4:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	The man standing over there is my teacher.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động bằng V-ing sau danh từ the man.
2	The book written by Nam Cao is famous.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động bằng phân từ quá khứ V3/ed.
3	She was the first to arrive at school.	Dùng cấu trúc To V để rút gọn sau cụm từ chỉ số thứ tự the first.
4	The flowers kept in the vase are withered.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động bằng V3/ed.
5	He was the only student to answer the question.	Dùng cấu trúc To V để rút gọn sau cụm từ the only.
6	The dog barking at him is mine.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động bằng V-ing.
7	The bridge built by them is beautiful.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động bằng phân từ quá khứ V3/ed.
8	The children playing in the park are my friends.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động bằng V-ing.
9	He is the last person to leave the room.	Dùng cấu trúc To V để rút gọn sau cụm từ chỉ thứ tự the last.
10	The cake made by her is delicious.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động bằng V3/ed.
11	The documents lying on the table are mine.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động bằng V-ing.
12	She was the third to win the competition.	Dùng cấu trúc To V để rút gọn sau cụm từ chỉ thứ tự the third.
13	The girl talking to him is my sister.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động bằng V-ing.
14	The computer repaired by him is broken.	Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động bằng V3/ed.
15	He was the second to reach the peak.	Dùng cấu trúc To V để rút gọn sau cụm từ chỉ thứ tự the second.

Bài tập 5: Viết lại câu với mệnh đề quan hệ rút gọn

Đề bài: Hãy viết lại các câu dưới đây bằng cách sử dụng mệnh đề quan hệ rút gọn dựa vào cụm từ gợi ý trong ngoặc.

1. The girl is my sister. (playing the piano)
2. The cake is delicious. (made by my mom)
3. He was the first person. (arrive at the meeting)
4. The trees are very tall. (planted in the garden)
5. The woman is a famous doctor. (talking to the director)
6. That is the only book. (read about this topic)
7. The house was sold yesterday. (built in 1950)
8. The boy is crying loudly. (punished by his teacher)
9. She is the last student. (finish the test)
10. The water is polluted. (flowing from the factory)
11. The smartphone is expensive. (designed by Apple)
12. I am the second person. (receive the gift)
13. The cat is sleeping on the sofa. (called Mimi)
14. The letter was sent to me. (written in French)
15. The man is looking for his car. (sitting on the bench)

Đáp án bài tập 5:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	The girl playing the piano is my sister.	Hành động đang chơi đàn mang tính chủ động nên dùng V-ing.
2	The cake made by my mom is delicious.	Bánh được làm bởi mẹ mang nghĩa bị động nên dùng V3/ed.
3	He was the first person to arrive at the meeting.	Có từ the first nên dùng cấu trúc To V để rút gọn.
4	The trees planted in the garden are very tall.	Cây được trồng mang nghĩa bị động nên dùng V3/ed.
5	The woman talking to the director is a famous doctor.	Hành động đang nói chuyện là chủ động nên dùng V-ing.
6	That is the only book to read about this topic.	Có cụm từ the only nên ưu tiên dùng cấu trúc To V.
7	The house built in 1950 was sold yesterday.	Ngôi nhà được xây dựng mang nghĩa bị động nên dùng V3/ed.
8	The boy punished by his teacher is crying loudly.	Cậu bé bị phạt mang nghĩa bị động nên dùng V3/ed.
9	She is the last student to finish the test.	Có từ the last nên dùng cấu trúc To V để rút gọn.
10	The water flowing from the factory is polluted.	Dòng nước đang chảy là hành động chủ động nên dùng V-ing.
11	The smartphone designed by Apple is expensive.	Điện thoại được thiết kế mang nghĩa bị động nên dùng V3/ed.
12	I am the second person to receive the gift.	Có số thứ tự the second nên dùng cấu trúc To V.
13	The cat called Mimi is sleeping on the sofa.	Con mèo được gọi là Mimi (nghĩa bị động) nên dùng V3/ed.
14	The letter written in French was sent to me.	Bức thư được viết mang nghĩa bị động nên dùng V3/ed.
15	The man sitting on the bench is looking for his car.	Người đàn ông đang ngồi là hành động chủ động nên dùng V-ing.